

TÁC ĐỘNG TỪ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TƯ NHÂN Ở TÂY NGUYÊN – TRƯỜNG HỢP TỈNH ĐẮK NÔNG

Bùi Quang Bình

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

Email: binhbq@due.edu.vn

Ngày nhận: 11/6/2017

Ngày nhận bản sửa: 8/7/2017

Ngày duyệt đăng: 25/8/2017

Tóm tắt:

Đầu tư công luôn là nguồn lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của nhiều nước, nhất là các nước đang phát triển. Bài viết này tập trung phân tích tác động của đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế tư nhân và rút ra những hàm ý trong việc phát huy vai trò của nguồn đầu tư này. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích thống kê và mô hình kinh tế lượng. Các số liệu được sử dụng chủ yếu từ niên giám thống kê của Tỉnh. Kết quả cho thấy đầu tư công có tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế tư nhân, đã không tạo ra tác động lấn át đầu tư tư nhân ở tỉnh Đắk Nông.

Từ khóa: Đầu tư; Đầu tư công; Đầu tư tư nhân; Tăng trưởng kinh tế; Tác động của đầu tư công

Impact of public investment on private economic growth in the Central Highlands – the case of Dak Nong province

Abstract:

Public investment is an important resource for the economic growth of many countries, especially developing countries. This paper focuses on the impact of public investment on private economic growth and draws implications for promoting the role of the investment. This research uses statistical analysis and econometric models. Data used in this study are mainly from the provincial statistical yearbook. The results indicate that public investment has positive impact on private economic growth, not hindering private investment in Dak Nong province.

Keywords: Investment; public investment; private investment; economic growth; impact of public investment.

1. Đặt vấn đề

Vốn đầu tư là nguồn lực rất quan trọng và quyết định tới tăng trưởng của nền kinh tế. Nhưng theo hình thức sở hữu thì thường có thể là đầu tư công và đầu tư tư nhân. Vốn đầu tư công tùy theo cách sử dụng mà có tác động kích thích tăng trưởng sản lượng của khu vực tư nhân hay ngược lại. Ở Việt Nam cũng như nhiều nước, kinh tế tư nhân ngày càng có vai trò quan trọng và đóng góp ngày càng cao trong GDP chung. Bài báo này tập trung vào đánh giá tác động của vốn đầu tư công tới tăng trưởng sản lượng của khu vực tư nhân tỉnh Đắk Nông và đưa ra các hàm ý chính sách sử dụng có hiệu quả nguồn lực. Đắk Nông là nền kinh tế khá điển hình ở khu vực Tây Nguyên, vì thế có thể xem xét vấn đề và kiến nghị chính sách rộng hơn cho cả vùng.

2. Cơ sở lý luận của nghiên cứu

Lý thuyết về mô hình tăng trưởng trong kinh tế học chính là cơ sở lý thuyết cho nghiên cứu tác động của đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế của khu vực tư nhân. Lý thuyết tăng trưởng cổ điển khẳng định đầu tư luôn là nguồn lực quan trọng cho tăng trưởng sản lượng. Khối lượng vốn đầu tư và tích lũy vốn đầu tư quyết định mức gia tăng sản lượng qua kênh đầu tư. Lý thuyết tân cổ điển kế thừa vẫn tiếp tục khẳng định vốn đầu tư vẫn là yếu tố quyết định tới tăng trưởng. Nhưng lý thuyết này cho rằng đầu tư chỉ tạo ra và duy trì tăng trưởng trong ngắn hạn, tăng tích lũy vốn cho phép thúc đẩy tăng đầu tư nhưng không duy trì trong dài hạn; tiến bộ công nghệ mới bảo đảm tăng trưởng bền vững. Lý thuyết tăng trưởng hiện đại đã kế thừa các lý thuyết kinh tế trên đây. Lý

thuyết này vẫn sử dụng hàm sản xuất để xem xét ảnh hưởng của vốn đầu tư và tích lũy vốn đầu tư tới tăng trưởng sản lượng. Song nguồn tích lũy đầu tư lại phụ thuộc vào cách thức phân bổ sản lượng của nền kinh tế cho tiêu dùng và tiết kiệm hay tỷ lệ tiết kiệm. Quy mô và tỷ lệ tiết kiệm lại phụ thuộc vào hành vi tiêu dùng và xu hướng tiêu dùng cận biên và các chính sách của chính phủ hay tăng trưởng sản lượng cũng ảnh hưởng trở lại đầu tư. Rõ ràng các lý thuyết kinh tế này đã khẳng định tầm quan trọng của yếu tố vốn đầu tư với tăng trưởng kinh tế, đã chỉ ra cách thức nguồn lực này cùng với các nguồn lực khác tác động tới tăng trưởng sản lượng, hơn nữa đã cung cấp phương pháp luận để phân tích tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế.

Nghiên cứu thực nghiệm về chủ đề này trên thế giới và ở Việt Nam là khá nhiều và cho những kết quả khác nhau. Một số nghiên cứu cho kết quả tác động tích cực của đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế. Aschauer (1989) cho rằng đầu tư công tăng cường cơ sở hạ tầng, giảm chi phí cho khu vực tư nhân, tăng tổng cầu với sản phẩm của khu vực tư nhân do đó kích thích tăng trưởng sản lượng của khu vực này. Sử dụng số liệu của các nước phát triển, Barro (1990) và Ramirez (1994) đã khẳng định rằng đầu tư công có hiệu quả góp phần tăng năng suất của nguồn vốn tư nhân cũng như tăng trưởng sản lượng kinh tế. Trong điều kiện các nước đang phát triển, Khan &

Kumar (1997) cho rằng tăng đầu tư công ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng nền kinh tế. Nghiên cứu ảnh hưởng của đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 1988-2012, Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư & Lê Hoàng Phong (2014) cho rằng đầu tư công tác động tới tăng trưởng trong dài hạn. Cũng có những nghiên cứu chỉ ra tác động tiêu cực từ đầu tư công tới sản lượng khu vực tư nhân. Trong trường hợp cả đầu tư công và tư nhân cạnh tranh nguồn lực giống nhau, hoạt động vốn công cộng xem như là sự thay thế cho nguồn vốn tư nhân ở các nước đang phát triển, Cavallo & Daude (2011) cho rằng đầu tư công chèn lấn đầu tư tư nhân và tác động tiêu cực tới tăng trưởng sản lượng của khu vực tư nhân. Nghiên cứu mối quan hệ giữa đầu tư và tăng trưởng cho nền kinh tế Trung Quốc, Qui & cộng sự (2006) phát hiện ra rằng tăng trưởng đầu tư không dẫn đến tăng trưởng kinh tế.

Các kết quả nghiên cứu này là những gợi ý để hình thành khung nghiên cứu về tác động của đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế tư nhân tỉnh Đắk Nông.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở cách tiếp cận kinh tế học trong nghiên cứu, nghiên cứu này áp dụng các phương pháp phân tích sau.

3.1. Phương pháp phân tích

Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để thể

Bảng 1: Diễn giải các biến sử dụng

Tên biến	Ký hiệu	Diễn giải và cách tính
Sản lượng khu vực tư nhân	$lnypdn$	Đại diện cho sản lượng khu vực tư nhân, ở đây sẽ lấy logarit giá trị sản lượng - GDP của khu vực tư nhân. GDP được tính theo giá 2010 đơn vị tỷ đồng
Đầu tư tư nhân	$lnkgdn$	Đại diện cho biến đầu tư tư nhân, ở đây $kgdn$ là vốn sản xuất do kết quả đầu tư tư nhân tính bằng tỷ đồng theo giá 2010 dưới dạng logarit.
Đầu tư công	$lnkpdn$	Đại diện cho biến đầu tư công, ở đây $kpdn$ là giá trị vốn sản xuất của khu vực công so với GDP và được tính theo tỷ đồng và giá 2010 và dưới dạng logarit
Lao động làm việc trong khu vực tư nhân ngành	$lnltpdn$	Đại diện cho lao động làm việc trong khu vực tư nhân và được tính bằng lấy logarit số lượng lao động khu vực tư nhân. Lao động làm việc trong khu vực tư nhân tính bằng người
Mức lãi suất thực tế	r	Đại diện cho lãi suất thực tế, tính bằng %, được xác định bằng lấy mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại trừ đi lạm phát.
Tín dụng trong nước được cung cấp bởi hệ thống ngân hàng cho ngành	b	Đại diện cho biến mức tín dụng cung cấp bởi hệ thống ngân hàng cho các ngành kinh tế được tính bằng tỷ lệ so sánh giữa mức tín dụng so với GDP của ngành hàng năm. Tính bằng số lần

hiện những diễn biến và động thái của đầu tư công, sản lượng chung và sản lượng khu vực tư nhân... Phương pháp này nếu xem xét theo thời gian những thay đổi của những biến số này sẽ cho thấy những biểu hiện của mối quan hệ cần phân tích.

Phương pháp ước lượng. Từ phân lý thuyết và tổng quan kết quả nghiên cứu thực nghiệm trên có thể áp dụng mô hình tân cổ điển mà cụ thể là hàm sản xuất cho phân tích. Hàm sản xuất có dạng $Y = A.F(K,L)$ nhưng áp dụng cho khu vực tư nhân. Khi đó dạng hàm sẽ là $Y_p = F(K_p, L_p)$. Trong đó Y_p là mức sản lượng của khu vực tư nhân; L_p là việc làm hay lao động đang làm việc trong khu vực tư nhân; K_p là mức vốn sản xuất tư nhân (đây là kết quả của đầu tư). Giả sử hàm sản xuất có dạng hàm Cobb-Douglas nên ở đây sẽ mở rộng đưa biến đầu đại diện đầu tư công vào. Đó là K_g bằng mức vốn sản xuất khu vực công. Để tiện cho nghiên cứu trong trường hợp cụ thể này sẽ điều chỉnh tên biến và được chuyển sang logarit được thể hiện như sau:

$$\ln y_{pdn} = \ln A + \beta_1 \ln k_{pdn} + \beta_2 \ln k_{gdn} + \beta_3 \ln l_{dn} + \varepsilon_i \quad (I)$$

Nhưng vốn đầu tư công có thể có những ảnh hưởng tới đầu tư tư nhân hay sẽ xuất hiện hiện tượng nội sinh. Để giải quyết vấn đề này, ở đây sẽ thiết lập phương trình sau:

$$\ln k_{pdn} = \beta_0 + \beta_1 \ln k_{gdn} + \beta_2 r + \beta_3 b + \varepsilon_i \quad (II)$$

Hai phương trình này là một hệ đồng thời. Ở đây biến nội sinh $\ln k_{gdn}$ được giải quyết thông qua các biến ngoại sinh ở trong phương trình (II). Trong trường hợp này theo Zellner, A & Theil.H (1962) có thể áp dụng phương pháp ước lượng 3SLS.

Các biến của hai phương trình này được diễn giải trên Bảng 1.

Trong giai đoạn đầu, phương trình (II) được ước lượng các giá trị dự đoán của biến nội sinh được lưu trữ lại. Những giá trị này, sau đó, được thay thế biến nội sinh và phương trình cấu trúc được ước lượng.

3.2. Số liệu dùng cho phân tích

Với số liệu vĩ mô lấy từ Niên giám thống kê tỉnh Đắk Nông và từ nguồn của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông. Số liệu gồm sản lượng của khu vực tư nhân là GDP của khu vực tư nhân tính theo giá cố định 2010 (đơn vị tỷ đồng). Mức vốn đầu tư tư nhân và mức vốn đầu tư công được cung cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông, đơn vị tính là tỷ đồng và theo giá 2010. Mức sản lượng GDP và mức vốn đầu tư của từng khu vực công và tư nhân theo ngành sẽ là cơ sở xác định vốn sản xuất K của hai khu vực (Bùi Quang Bình, 2014). K sẽ tính bằng tỷ đồng và theo giá 2010. Số lao động làm việc trong khu vực tư nhân bao gồm cả khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. r - lãi suất thực lấy mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại được cung cấp bởi Ngân hàng Nhà nước. Từ đây sẽ tạo ra bảng dữ liệu để sử dụng cho mô hình (I) và (II) để phân tích (tỉnh Đắk Nông mới thành lập từ 2005). Tuy rằng nguồn đầu tư công được xác định theo ngành trong quá trình đầu tư nhưng nó là cơ sở để hình thành vốn sản xuất của mỗi ngành. Vì đặc thù ở Đắk Nông mới thành lập nên tỷ lệ vốn vật chất có riêng cho từng ngành khá cao và những công trình dự án dùng chung cho nhiều ngành thường chiếm tỷ lệ thấp hơn. Chẳng hạn việc xây dựng cơ sở hạ tầng ban đầu cho các ngành như hạ tầng cho khu công nghiệp Nhân Cơ, hay hạ tầng làm việc cho các ban ngành, hệ thống các nhà máy thủy điện...

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Tình hình tăng trưởng kinh tế tư nhân và đầu tư công tỉnh Đắk Nông

Tình hình tăng trưởng kinh tế tư nhân tỉnh Đắk Nông

Trước khi đánh giá tác động của đầu tư công tới đầu tư tư nhân qua kênh gia tăng sản lượng, nghiên cứu xem xét tình hình sản lượng của khu vực tư nhân

Bảng 2: GDP của khu vực kinh tế tư nhân tỉnh Đắk Nông

	GDP khu vực tư nhân (tỷ đồng, giá 2010)	Tỷ lệ tăng trưởng GDP khu vực tư nhân (%)	Tỷ trọng GDP khu vực tư nhân trong GDP chung (%)
2005	3065,1	14,0	80,7
2010	7049,4	14,5	87,0
2015	13126,6	11,5	86,5
2017*	15446,2	12,1	85,3

*Nguồn: Xử lý từ số liệu Niên giám thống kê của Cục Thống kê và Số liệu đầu tư của Sở KH và ĐT tỉnh Đắk Nông; Số liệu 2017 * là số ước tính.*

qua những thay đổi của giá trị GDP của khu vực này.

Bảng 2 cho thấy sản lượng – GDP của khu vực tư nhân tỉnh Đắk Nông tăng liên tục. Quy mô GDP theo giá 2010 tăng từ mức 3065,1 tỷ đồng năm 2005 lên 7049,4 tỷ đồng năm 2010, mức 13126,6 tỷ đồng năm 2015 và mức 15446,2 tỷ đồng năm 2017. Quy mô tăng gấp 3 lần sau 13 năm là rất ấn tượng và chứng tỏ năng lực sản xuất của khu vực này gia tăng rất nhanh. Tỷ lệ tăng trưởng GDP của khu vực tư nhân khá cao, trung bình khoảng gần 14,5%, cao hơn trung bình của Tỉnh chỉ 13,8%. Tăng trưởng GDP của khu vực tư nhân nhanh đã tăng dần tỷ trọng của khu vực này trong GDP chung. Điều này cũng khẳng định vị trí quan trọng và động lực chính của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế tỉnh Đắk Nông.

Kinh tế tư nhân đang có vai trò quyết định tới tăng trưởng kinh tế chung của Tỉnh. Do đó yếu tố nào tác động tích cực tới những thay đổi sản lượng kinh tế tư nhân cũng sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở đây.

Tình hình đầu tư công tỉnh Đắk Nông

Tổng đầu tư công theo giá 2010 về cơ bản được huy động với khối lượng khá lớn và xu thế tăng là chủ yếu. Tổng vốn đầu tư công năm 2005 là hơn 1100 tỷ đồng và đã tăng dần, đến năm 2009 là 1860,3 tỷ đồng, năm 2010 là 1607,8 tỷ đồng, năm 2011 là 3159,8 tỷ đồng, và cao nhất vào năm 2013 là 3593,6 tỷ đồng. Sau đó giảm dần đến 2017 còn hơn 2000 tỷ đồng. Do tổng đầu tư công có khối lượng rất khác nhau theo từng năm và chịu ảnh hưởng lớn từ nguồn của Trung ương do vậy tốc độ tăng trưởng rất không ổn định và xu thế giảm dần.

Tỷ trọng đầu tư công trong tổng đầu tư luôn chiếm khoảng 50-52% từ 2005 đến 2014 sau đó giảm dần, năm 2017 vẫn còn khoảng gần 30%. Những diễn biến này phù hợp với điều kiện của Tỉnh. Sau khi chia tách nhu cầu đầu tư cho cơ sở hạ tầng mọi mặt cao nên nhà nước Trung ương đã tài trợ rất lớn, sau

gần 10 năm thì khoản tài trợ này giảm đi và do khả năng huy động từ ngân sách địa phương thấp nên nguồn đầu tư này cũng giảm dần. Tuy vậy, vai trò của đầu tư công còn rất quan trọng đối với nền kinh tế tỉnh Đắk Nông.

Nguồn huy động đầu tư công ở đây chủ yếu vẫn là nguồn ngân sách nhà nước, các nguồn khác chiếm tỷ trọng thấp hơn. Nguồn từ ngân sách nhà nước năm 2005 và 2006 chiếm tới hơn 94% đã giảm dần và còn 54,5% năm 2015 và hơn 53,1% năm 2017. Giảm chủ yếu trong giai đoạn 2011-2017 là khoảng 41,2% và trong giai đoạn 2005-2017 giảm 42,4%. Trong khi đó nguồn vốn vay lại tăng lên và hiện chiếm gần 25%. Vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước chiếm rất thấp.

Như vậy, nền kinh tế đã huy động được đáng kể khối lượng đầu tư công cho tăng trưởng kinh tế những năm qua. Đây vẫn là nguồn đầu tư có tầm quan trọng với nền kinh tế này. Nguồn huy động đầu tư công ở đây chủ yếu là nguồn ngân sách nhà nước, tuy giảm nhưng vẫn chiếm hơn 50%, nguồn vốn vay ngày càng tăng. Điều này đòi hỏi phải sử dụng đầu tư công hiệu quả hơn trong tăng trưởng kinh tế.

4.2. Phân tích tác động của đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế tư nhân tỉnh Đắk Nông

Bảng 3 trình bày các thống kê mô tả của các biến được sử dụng trong hai mô hình. Với thống kê mô tả các biến này có thể thấy số liệu về cơ bản là không có sự phân tán nên có thể sử dụng.

Ma trận tương quan giữa các biến

Số liệu cụ thể trình bày ở Bảng 4. Có thể thấy sản lượng khu vực tư nhân có mối quan hệ thuận chiều với đầu tư công và các biến còn lại với hệ số tương quan khá cao. Với hệ số tương quan cao có thể sẽ có hiện tượng đa cộng tuyến, tuy nhiên cần phải kiểm định cụ thể. Như vậy kỳ vọng chiều hướng hay chiều tác động sẽ là tác động dương. Tương tự các

Bảng 3: Thống kê mô tả các biến được sử dụng

Tên biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị bé nhất	Giá trị lớn nhất
lnypdn	39	7,704	0,755	6,061	8,824
lnkgdn	39	7,532	0,615	6,069	8,801
lnkpdn	39	6,163	0,825	4,631	7,752
lnlpdn	39	3,749	0,665	2,300	4,588
r	39	3,633	0,590	2,533	4,53
b	39	2,605	0,680	1,192	3,658

Nguồn: Xử lý từ số liệu Niên giám thống kê của Cục Thống kê và Số liệu đầu tư của Sở KH và ĐT tỉnh Đắk Nông.

Bảng 4: Ma trận tương quan giữa các biến mô hình 1

	lnypdn	lnkgdn	lnkpdn	lnlpdn
lnypdn	1,000			
lnkgdn	0,861	1,000		
lnkpdn	0,926	0,781	1,000	
lnlpdn	0,943	0,745	0,869	1,000

Nguồn: Xử lý từ số liệu Niên giám thống kê của Cục Thống kê và Số liệu đầu tư của Sở KH và ĐT tỉnh Đắk Nông.

biến trong mô hình 2 có quan hệ khá mạnh, trong đó đầu tư công, tín dụng trong nước có tác động dương và lãi suất thực có tác động âm tới biến đại diện đầu tư tư nhân.

Kết quả ước lượng

Kết quả ước lượng theo mô hình (I) và (II) trình bày trong Bảng 5. Các thống kê của mô hình đều có ý nghĩa thống kê và có thể sử dụng kết quả cho các bàn luận của nghiên cứu.

Từ đây có thể thấy:

Thứ nhất, kết quả hồi quy mô hình (I) theo 3SLS trên Bảng 5 hàm ý rằng mức đầu tư công có tác động kích thích mức sản lượng khu vực tư nhân với mức ý nghĩa 5%. Hệ số hồi quy là +0,275, thấp hơn mức tác động của khu vực tư nhân và hàm ý rằng đầu tư công kích thích tăng trưởng sản lượng khu vực tư

nhân. Kết quả này nhỏ hơn áp dụng ước lượng OLS thông thường.

Thứ hai, theo kết quả này, đầu tư tư nhân có tác động tích cực đến sản lượng của họ với mức ý nghĩa 5%. Hệ số hồi quy là 0,347, cao hơn tác động của đầu tư công. Mức tác động này cũng cao hơn khi chỉ áp dụng phương pháp OLS.

Thứ ba, lao động trong khu vực tư nhân có tác động tới sản lượng của khu vực tư nhân. Hệ số hồi quy là +0,521 cho biết rằng yếu tố này có tác động tích cực và khá mạnh so với hai yếu tố đầu tư. Kết quả này cũng thấp hơn mức 0,56 trong cách ước lượng OLS. Điều này cũng chỉ ra rằng để tăng trưởng kinh tế khu vực tư nhân nói riêng và kinh tế Tỉnh nói chung, không chỉ vốn đầu tư mà lao động vẫn là yếu tố cần quan tâm huy động và sử dụng

Bảng 5: Kết quả ước lượng theo mô hình

	Mô hình (I) với 3SLS	Mô hình (II)	Mô hình (I) với OLS
Biến phụ thuộc	lnypdn	lnkpdn	lnypdn
lnkgdn	0,275*** (0,077)	0,937*** (0,109)	0,332*** (0,065)
lnkpdn	0,347*** (0,125)		0,262*** (0,066)
lnlpdn	0,521*** (0,113)		0,560*** (0,076)
r		-0,825*** (0,129)	
b		1,181*** (0,254)	
Constant	1,545*** (0,321)	-2,076*** (0,734)	1,488*** (0,328)
Observations	39	39	39
R-squared	0,961	0,808	0,963

*Ghi chú: trong () là độ lệch chuẩn; ***, **, * là mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%*

Nguồn: Xử lý từ số liệu Niên giám thống kê của Cục Thống kê và Số liệu đầu tư của Sở KH và ĐT tỉnh Đắk Nông.

trong những năm tới khi mà đầu tư ngày càng khan hiếm.

Thứ tư, từ Bảng 5, với mô hình (II) cho thấy hệ số của biến đầu tư công lnkgdn là 0,937. Kết quả này hàm ý rằng đầu tư công không lấn át mà tác động kích thích đầu tư tư nhân ở Tỉnh Đắk Nông. Điều này cũng phù hợp với điều kiện của tỉnh mới thành lập như Đắk Nông, khi hạ tầng cơ sở kinh tế xã hội kém phát triển. Các dự án đầu tư công vào lĩnh vực này sẽ có tác động ngay tới nền kinh tế, tạo điều kiện cho khu vực tư nhân đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

5. Bàn luận và hàm ý chính sách

5.1. Bàn luận

Thứ nhất, khu vực kinh tế tư nhân có sự tăng trưởng nhanh và hiện đang đóng góp khoảng gần 85% GDP, 92% tăng trưởng kinh tế và khoảng 90% việc làm. Khu vực kinh tế tư nhân đã đang khẳng định là động lực chính và vai trò chủ đạo trong nền kinh tế tỉnh Đắk Nông.

Thứ hai, đầu tư công của Tỉnh đã tăng nhanh và chiếm tỷ trọng khá lớn trong nền kinh tế nhưng giảm dần những năm gần đây. Nguồn đầu tư này được phân bổ chủ yếu tập trung cho sự phát triển công nghiệp và dịch vụ của Tỉnh.

Thứ ba, đầu tư công đã có tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế tư nhân qua đó cũng đã thúc đẩy tăng trưởng GDP của Tỉnh. Mức độ tác động của đầu tư công thấp hơn so với đầu tư tư nhân và lao động. Lao động là yếu tố có vai trò khá lớn với tăng trưởng sản lượng của khu vực này.

Thứ tư, đầu tư công đã không lấn át đầu tư tư nhân và ngược lại đã tạo ra tác động tích cực tới đầu tư tư nhân.

Thứ năm, đầu tư tư nhân có mức ảnh hưởng tới tăng trưởng sản lượng cao hơn so với đầu tư công. Có thể do hiệu quả đầu tư tư nhân cao hơn đầu tư công. Hoặc nhiều công trình đầu tư công ở Tỉnh

nhằm mục đích phát triển hạ tầng vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hạ tầng phục vụ an ninh quốc phòng biên giới... mà thường ảnh hưởng không nhiều tới khu vực tư nhân.

5.2. Hàm ý chính sách

Thứ nhất, với hệ số hồi quy của biến đầu tư công cho thấy mức tác động là đáng kể trong những năm qua, nhưng cũng cần lưu ý khi mới thành lập Tỉnh thì dư địa ảnh hưởng còn lớn. Sau hơn 13 năm phát triển, dư địa thu hẹp và đầu tư công ngày càng giảm thì phải tìm giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư công theo định hướng mỗi đồng đầu tư công sẽ thúc đẩy tăng trưởng sản lượng của khu vực tư nhân vào nền kinh tế. Có thể sử dụng đầu tư công cho những công trình cơ sở hạ tầng trọng điểm của Tỉnh, hoàn thiện môi trường kinh doanh và đối ứng cho các dự án công tư là một hướng sử dụng đầu tư công những năm tới.

Thứ hai, Chính quyền Tỉnh cần dành một khoản chi tiêu công vào nâng cấp và cải thiện hạ tầng mềm của Tỉnh nhằm nâng cao tính hiệu lực và hiệu quả của quản lý nhà nước và có thể cải thiện môi trường đầu tư theo hướng minh bạch hơn, giảm các khoản chi phí không chính thức, chi phí gia nhập thị trường.

Thứ ba, lao động vẫn là nguồn lực quan trọng trong tăng trưởng sản lượng của khu vực tư nhân. Giải quyết vấn đề khó khăn liên quan tới lao động cho doanh nghiệp tư nhân sẽ thúc đẩy tăng trưởng sản lượng của khu vực này cũng như toàn bộ nền kinh tế. Cải thiện dịch vụ đào tạo và hỗ trợ lao động bằng cơ chế chính sách và hỗ trợ tài chính từ ngân sách những năm tới cũng sẽ có tác động tích cực lớn tới sản lượng.

Thứ tư, cải thiện hoạt động của hệ thống ngân hàng và mở rộng tín dụng nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân giải quyết vấn đề vốn đầu tư sẽ kích thích đầu tư tư nhân trong nền kinh tế.

Tài liệu tham khảo

- Aschauer (1989), 'Is public expenditure productive?', *Journal of Monetary and Economics*, 23, 177-200.
- Barro, R. (1990), 'Government spending in a simple model of endogenous growth', *Journal of Political Economy*, 98, 103-125.
- Bùi Quang Bình (2014), 'Đánh giá thực trạng và xây dựng mô hình tăng trưởng kinh tế của tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014-2020 và tầm nhìn 2030', Đề tài cấp tỉnh năm 2014.
- Cavallo Eduardo & Daude Christian (2011), 'Public investment in developing countries: A blessing or a curse?', *Journal of Comparative Economics*, 39, 65-81.

- Khan Mohsin & Kumar Manmohan (1997), 'Public and private investment and the growth process in developing countries', *Oxford Bulletin of Economics & Statistics*, 59(1), 69-88.
- Qin, Duo, Cagas, Marie Anne, Quising, Pilipinas & He, Xin-Hua (2006), 'How Much Does Investment Drive Economic Growth in China?', *Journal of Policy Modeling*, 28 (7), 751-774.
- Ramirez (1994), 'Public and private investment in Mexico, 1950-1990: an empirical analysis', *Southern Economic Journal*, 61, 1-17.
- Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư & Lê Hoàng Phong (2014), 'Tác động của đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam: Góc nhìn thực nghiệm từ mô hình ARDL', *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, Số 19 (29), 3-10.
- Zellner, A & Theil, H (1962), 'Three- Stage least squares : Simultaneous estimation of Simultaneous equations', *Econometrica*, 30(1), 54-78.